

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2020/DS-ST**

Ngày: 30/12/2020.

*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và nghĩa vụ thanh toán tiền trong
hợp đồng mua bán*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG- TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tiến Hưng.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Cự và bà Nguyễn Thị Vĩnh
- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thuận Yến – Thư kí Toà án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Th -Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “ Hợp đồng vay tài sản và yêu cầu về nghĩa vụ trả tiền mua hàng, trong hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXX-ST ngày 08/12/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1971.**

Nơi cư trú: Thôn An Đ xã H (Tên cũ là xã Đ G), huyện Đông Hưng, Thái Bình.
(Có mặt tại phiên tòa)

*** Bị đơn: Bà Lại Thị Qu, sinh năm 1971.**

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ , huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.
(Bà Q có đơn xin vắng mặt)

*** Người có Quyền lợi liên quan: Ông Bùi Duy Th, sinh năm 1973.**

Nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện Đông Hưng, Thái Bình.
(Ông Th có mặt tại phiên tòa)

- Ông Bùi Duy Th là chồng bà Th, ông Th uỷ Quyền cho bà Th tham gia tố tụng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2020 và các lời khai tại Toà án, Nguyên đơn bà Th trình bày:

Từ năm 2017 đến tháng 05/2018 Bà Phạm Thị Th có bán thóc cho bà Lại Thị Qu hai lần với tổng cộng số tiền là: 53.495.000 đồng đến nay bà Qu chưa trả toàn bộ số tiền trên.

Ngày 10/02/2017 Bà Phạm Thị Th có cho bà Lại Thị Qu vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 1%/ tháng (có biên nhận vay nợ), đến nay bà Qu cũng chưa trả toàn bộ số tiền trên.

Tổng số tiền mua thóc và tiền vay là: **153.495.000 đồng**. Bà Th nhiều lần yêu cầu bà Qu trả tiền mua thóc và tiền bà Qu vay nhưng đến nay bà Qu không trả cho bà Th được đồng nào.

Nay bà Th yêu cầu bà Qu trả cho bà Th: Tổng số tiền mua thóc và tiền gốc bà Qu vay là **153.495.000 đồng**. Bà Th không yêu cầu bà Qu phải trả lãi.

.+ Bị đơn bà Qu trình bày:

Bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và được Toà án công khai chứng cứ gồm: Đơn khởi kiện và các chứng cứ do bà Th cung cấp. Trong bản tự khai mặc dù đã giải thích nhưng bà Qu chỉ khai: Bà Qu có đóng thóc của bà Th số tiền đóng thóc bà Th chưa lấy và bà Th có cho bà Qu vay tiền, bà Qu trả bà Th lãi suất vay là 1%/ tháng .

Khoản tháng 7/2018 bà Qu trả bà Th 80.000.000 đồng nhưng bà Th không lấy, bà Th yêu cầu bà Qu phải trả toàn bộ bà Th mới nhận tiền bà Qu trả.

Tại phiên toà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng có quan điểm:

Về tố tụng:

Trong quá trình giải Quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ các Quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Qu có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung:

Bà Th khởi kiện bà đã cung cấp các chứng cứ, cùng với việc Toà án tiến hành thu thập chứng cứ tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng, đã có đủ cơ sở khẳng định bà Qu đã đóng thóc và vay tiền của bà Th, ông Th cụ thể:

Tại giấy nhận nợ ngày 01/01/2018 (âm lịch) có ghi Qu Thăng Đông Vinh nợ Th Th 42.600.000 đồng (chỉ có bà Qu ký).

Tại giấy nhận nợ cũng ngày 01/01/2018 (âm lịch) có ghi Qu Thăng Đông Vinh vay Th Thăng 100.000.000 đồng (chỉ có bà Qu ký).

Tại giấy nhận nợ ngày 17/7/2018 (âm lịch) có ghi Qu nợ Th 10.895.000 đồng;

Tổng số tiền theo giấy biên nhận cả 3 lần là **153.495.000 đồng**.

Cần buộc bà Qu trả cho bà Th và ông Th số tiền **153.495.000 đồng**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I/ Về tố tụng

Bà Qu có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

II/ Về nội dung

[1] Bà Qu khi Toà án triệu tập để tham gia phiên họp để tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải bà đều vắng mặt. Khi bà Qu đến Toà án tham gia một vụ kiện khác, Toà án đã thông báo và hướng dẫn bà Qu khai về việc nợ tiền mua thóc của bà Th và tiền vay nợ của bà Th, nhưng bà Qu không khai rõ đến nay bà Qu còn nợ bà Th là bao nhiêu, bà Qu chỉ nói có lần trả bà Th 80 triệu đồng bà Th không nhận vì lí do bà Th yêu cầu phải trả toàn bộ số nợ bà Th mới nhận. Bà có ý kiến xin được vắng mặt khi hoà giải.

Điều này chứng tỏ bà Qu có nợ bà Th, Th và số nợ với số tiền lớn hơn 80 triệu đồng.

[2] Qua xem xét các chứng cứ bà Th nộp tại Toà án thấy:

Tại giấy nhận nợ ngày 01/01/2018 (âm lịch) có ghi Qu Th Đông Vinh nợ Th Th 42.600.000đồng (chỉ có bà Qu ký).

Tại giấy nhận nợ cũng ngày 01/01/2018 (âm lịch) có ghi Qu Th Đông Vinh vay Th Thăng 100.000.000đồng (chỉ có bà Qu ký).

Tại giấy nhận nợ ngày 17/7/2018 (âm lịch) có ghi Qu nợ Th 10.895.000đồng;

Tổng số tiền theo giấy biên nhận cả 3 lần là **153.495.000 đồng**.

Các chứng mà bà Th cung cấp phù hợp với lời khai của bà Qu tại Công an huyện Đông Hưng (khi bà Qu không trả tiền cho bà Th thì bà Th đã làm đơn tố cáo bà Qu có hành vi lừa đảo. Công an huyện Đông Hưng đã thụ lí đơn trình báo và giải Quyết. Sau khi thụ lý đơn tố cáo Công an huyện Đông Hưng đã có văn bản kết luận việc việc mua bán thóc nợ tiền và việc vay tiền giữa bà Th và bà Qu là quan hệ dân sự. Do đó Công an huyện Đông Hưng không khởi tố vụ án hình sự (Quyết định giải Quyết khiếu nại số 13/QĐ-ĐT ngày 21/01/2020)

Như vậy có đủ cơ sở kết luận việc bà Qu còn nợ bà Th số tiền 153.495.000 đồng gồm: Tiền bà Qu đóng thóc của bà Th bà Qu chưa trả tiền và số tiền bà Qu vay của bà Th là đúng sự thật. Cần buộc bà Qu phải có nghĩa vụ trả số tiền trên cho bà Th. Về lãi suất bà Th không yêu cầu nên không đặt ra giải Quyết.

[3] Số tiền 153.495.000 đồng gồm: Tiền bà Qu đóng thóc của bà Th bà Qu chưa trả tiền và số tiền bà Qu vay của bà Th đây là tài sản chung của vợ chồng bà Th và ông Th. Do đó cần buộc bà Qu phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Th và Ông Th.

[4] Trong vụ án này quan hệ pháp luật có tranh chấp gồm hai quan hệ pháp luật đó là: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và yêu cầu về nghĩa vụ trả tiền mua hàng, trong hợp đồng mua bán.

- Về việc trong Giấy biên nhận có ghi Th Thăng (ông Thăng là chồng bà Th) .Do không có chữ ký của ông Thăng trong giấy biên nhận. Căn cứ vào Điều 101 của Bộ luật dân sự, Qu định về thành viên hộ gia đình trong giao dịch dân sự để xác định nghĩa

vụ , thì nghĩa vụ trả nợ hoàn toàn thuộc bà Qu. Do đó Toà án không đưa ông Thăng vào tham gia tố tụng.

[5] Về án phí:

Bà Qu phải chịu tiền án phí dân sự là $153.495.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.674.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số)

Số tiền bà Th nộp tiền tạm ứng án phí cần hoàn lại cho bà Th.

[6] Về Quyền kháng cáo: Các đương sự có Quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo Qu định

Vì các lẽ trên,

QUẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 101; 430, 440, 463, 466 của Bộ luật dân sự và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th về việc: “ Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và yêu cầu về nghĩa vụ trả tiền mua hàng, trong hợp đồng mua bán”

Xử: Buộc bà Lại Thị Qu phải có nghĩa vụ trả cho vợ, chồng Bà Phạm Thị Th và ông Bùi Duy Th gồm: Tiền bà Qu vay tiền của bà Th, ông Th số tiền 100.000.000 đồng và tiền bà Qu mua thóc của bà Th, ông Th bà Qu chưa trả là 53.495.000 đồng. Tổng hai khoản bà Qu phải trả cho bà Th và ông Th là **153.495.000 đồng**

[2] Kể từ ngày bà Th ông Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Qu chậm thi hành án khoản tiền 153.495.000 đồng thì bà Qu phải chịu lãi suất đối với khoản tiền phải thi hành án, theo Qu định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[3] Về án phí:

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 Qu định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Lại Thị Qu phải chịu **7.674.000 đồng** tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Th số tiền 3.800.000đ mà bà Th đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0006400 ngày 08/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành khoản thi hành án phí.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo Qu định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Quyền thỏa thuận thi hành án, Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Qu định tại các Điều 6,7,9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện Qu định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Về Quyền kháng cáo Báo cho các đương sự biết, các đương sự có Quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, đối với người có mặt tại phiên toà kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt tại phiên toà kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự .
- VKSND, THA h: Đông Hưng.
- Lưu HS-VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Bùi Tiến Hưng

.

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Ngày 30 tháng 12 năm 2020. Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Tiến Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Cự và bà Nguyễn Thị Vĩnh.

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số 20/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “ Hợp đồng vay tài sản và yêu cầu về nghĩa vụ trả tiền mua hàng, trong hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXX-ST ngày 08/12/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1971.**

Nơi cư trú: Thôn An Đồng xã Hà Giang (Tên cũ là xã Đông Giang), huyện Đông Hưng, Thái Bình.

*** Bị đơn: Bà Lại Thị Qu, sinh năm 1971.**

Nơi cư trú: Thôn Tế Quan, xã Đông Vinh , huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

*** Người có Quyền lợi liên quan: Ông Bùi Duy Thăng, sinh năm 1973.**

Nơi cư trú: Thôn An Đồng xã Hà Giang, huyện Đông Hưng, Thái Bình.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUẾT,
QUẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào các Điều 264 của Bộ luật dân sự 2015 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tỷ lệ biểu Quết 3/3nhất trí

Căn cứ vào Điều 101; 430, 440, 463, 466 của Bộ luật dân sự và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tỷ lệ biểu Quết 3/3nhất trí

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th về việc: “ Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và yêu cầu về nghĩa vụ trả tiền mua hàng, trong hợp đồng mua bán”

Xử: Buộc bà Lại Thị Qu phải có nghĩa vụ trả cho vợ, chồng Bà Phạm Thị Th và ông Bùi Duy Th gồm: Tiền bà Qu vay tiền của bà Th, ông Th số tiền 100.000.000 đồng và tiền bà Qu mua thóc của bà Th, ông Th bà Qu chưa trả là 53.495.000 đồng. Tổng hai khoản bà Qu phải trả cho bà Th và ông Th là **153.495.000 đồng**

[2] Kể từ ngày bà Th ông Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Qu chậm thi hành án khoản tiền 153.495.000 đồng thì bà Qu phải chịu lãi suất đối với khoản tiền phải thi hành án, theo Qu định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Tỷ lệ biểu Quết 3/3 nhất trí

[3] Về án phí:

Căn cứ Nghị Quết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 Qu định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Lại Thị Qu phải chịu **7.674.000 đồng** tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Th số tiền 3.800.000đ mà bà Th đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0006400 ngày 08/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành khoản thi hành án phí.

Trường hợp bản án, Quết định được thi hành theo Qu định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Quên thỏa thuận thi hành án, Quên yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Qu định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện Qu định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tỷ lệ biểu Quết 3/3 nhất trí

[4] Về Quên kháng cáo Báo cho các đương sự biết, các đương sự có Quên kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, đối với người có mặt tại phiên toà kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt tại phiên toà kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Tỷ lệ biểu Quết 3/3 nhất trí

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tiến Hưng

